

Số: KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH
Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; căn cứ các thông tư: Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia của các cấp học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia nhằm bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Huy động tổng hợp các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ số, công nghệ thông tin; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Quyết tâm hoàn thành vượt mức Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; củng cố vững chắc chất lượng các tiêu chí của trường đã đạt chuẩn, xây dựng các trường công nhận mới và nâng chuẩn, phấn đấu đến năm 2025 có 97,3% trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó 26,5% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Mục tiêu cụ thể

Củng cố vững chắc và nâng cao chất lượng các trường đã đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu 494 trường mức độ 1 (158 trường mầm non, 144 trường tiểu học, 163 trường THCS, TH&THCS, 29 trường THPT) và 194 trường¹ mức độ 2 (71 trường mầm non, 71 trường tiểu học, 47 trường THCS, TH&THCS, 05 trường THPT).

(Chi tiết tại biểu số 1)

¹ Có 94 trường công nhận lại, 100 trường nâng chuẩn từ mức 1 lên mức 2.

Công nhận mới 43 trường² đạt chuẩn quốc gia, trong đó 38 trường đạt chuẩn mức độ 1 (15 trường mầm non, 05 trường tiểu học, 15 trường THCS, TH&THCS, 03 trường THPT); 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (01 trường mầm non, 04 trường THCS, TH&THCS).

(Chi tiết tại biểu số 2)

Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia là 731 trường (trong đó 245 trường mầm non, 220 trường tiểu học, 229 trường THCS, TH&THCS, và 37 trường THPT), trong đó 199 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (72 trường mầm non, 71 trường tiểu học, 51 trường THCS, TH&THCS, 5 trường THPT); phân đầu mỗi huyện có từ 01 đến 02 trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 4.

(Chi tiết tại biểu số 3)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Nhiệm vụ, giải pháp

1.1. Tăng cường chỉ đạo, quản lý của các cấp, ngành, địa phương

Chính quyền các cấp tập trung cao chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương. Hằng năm, các địa phương thực hiện giao chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cùng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể để hoàn thành mục tiêu được giao. Ban hành cơ chế hỗ trợ việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị tạo nguồn lực thực hiện kế hoạch, nhất là những địa phương thuộc vùng kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn. Phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ của các tổ chức (trong nước và quốc tế), các bộ, ngành Trung ương; vận động nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp, nhà tài trợ ủng hộ nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Các cơ quan quản lý giáo dục xây dựng kế hoạch về kiểm định chất lượng giáo dục; đảm bảo việc kiểm tra công nhận và cấp chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với tiên độ xây dựng trường chuẩn quốc gia; hướng dẫn các cơ sở giáo dục nắm rõ, thực hiện được các tiêu chuẩn đánh giá, quy trình đánh giá, công nhận và cấp chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Các cơ sở giáo dục rà soát đối chiếu với tiêu chuẩn đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt trường chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT, để xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cá nhân, tập thể; có các giải pháp nhằm đạt kiểm định chất lượng giáo dục ở từng cấp độ; củng cố và nâng cao chất lượng của từng tiêu chí theo kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia đã phê duyệt. Tích cực tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương khi thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường chuẩn quốc gia.

1.2. Tích cực tuyên truyền về chủ trương, kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia

Chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục tuyên truyền sâu, rộng, bằng nhiều hình thức về chủ trương, kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đến các cấp, các ngành và nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận của toàn xã hội cùng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, xây dựng trường chuẩn

² Trường chưa đạt chuẩn thành đạt chuẩn.

quốc gia; xác định xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển giáo dục đào tạo, là một nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

1.3. Nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý nhà trường

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đảm bảo phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Cũng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng trường, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Rà soát thực trạng về tổ chức, quản lý trường học trên địa bàn để lập kế hoạch thực hiện đảm bảo các tiêu chí, tiêu chuẩn tổ chức, quản lý trường học theo Luật Giáo dục, Điều lệ và tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia các cấp học.

Đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục gắn với thực hiện dân chủ trong trường học theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục công lập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong quản lý tài chính, tài sản, quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên; quản lý các hoạt động giáo dục.

Coi trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Các cơ sở giáo dục duy trì hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; bảo đảm an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

1.4. Tăng cường công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Hàng năm, tuyển dụng giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có chất lượng, đồng bộ về cơ cấu bộ môn, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục và kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên tuyển dụng đối tượng diện thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ. Sắp xếp, bố trí giáo viên, nhân viên hợp lý, không để tình trạng thừa, thiếu, mất cân đối cơ cấu giáo viên khi triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

Triển khai thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhằm đáp ứng các điều kiện tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 12/6/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2021-2025. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, tổ chức điều hành, phương pháp quản lý giáo dục, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cán bộ quản lý.

Quản lý chặt chẽ cán bộ, công chức, viên chức; quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định về nêu gương, về lề lối làm việc và tinh thần trách nhiệm của cán

bộ, công chức, viên chức theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, ngành; chú trọng giữ gìn phẩm chất và nâng cao đạo đức nhà giáo.

1.5. Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị

Xây dựng và triển khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở Phương án phát triển GD&ĐT tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2030 của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang. Từng địa phương bố trí đủ diện tích đất để đáp ứng nhu cầu hiện tại và tăng quy mô dân số đến năm 2030. Bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm để mở rộng diện tích đất đảm bảo đủ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục rà soát và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các sở giáo dục trên địa bàn, ưu tiên mở rộng đất trường học.

Tăng cường đầu tư xây dựng phòng học, phòng bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm, phòng chức năng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất rèn luyện thể lực và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin gắn với lộ trình chuyển đổi số, điện tử hóa hồ sơ trong các trường học, xây dựng trường học thông minh, thư viện điện tử. Quan tâm đầu tư phát triển GD&ĐT ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các xã thuộc kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại, thông minh đáp ứng các hoạt động giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Ưu tiên phân bổ kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình của Bộ GD&ĐT.

Tích cực vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và nhân dân ủng hộ vật chất xây dựng trường chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng trường chuẩn quốc gia; tăng cường hoạt động của các Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, các đoàn thể... trong và ngoài nhà trường nhằm tạo thêm nguồn lực phát triển giáo dục. Giai đoạn 2021-2025 dự kiến đầu tư xây dựng 4.892 phòng học; 3.110 phòng học bộ môn, thiết bị, thư viện; 2.782 phòng hiệu bộ, phòng y tế, bảo vệ, công trình vệ sinh.

1.6. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Giữ vững kỷ cương nền nếp trong mọi hoạt động giáo dục của nhà trường; phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh; ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh; hỗ trợ Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tổ chức và hoạt động theo quy chế của Bộ GD&ĐT và quy định của UBND tỉnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Phát huy tính chủ động, sáng tạo của nhà trường trong công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân nhằm huy động nguồn lực hỗ trợ cho sự phát triển giáo dục.

Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo nguyên tắc, linh hoạt, hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục ở địa phương nhằm tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.7. Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ (đối với trường mầm

non), về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục (đối với trường phổ thông). Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp, thực hiện tốt công tác phân luồng cho học sinh; học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Đa dạng hóa các hình thức học tập; trong quá trình học tập, người học phải được trải nghiệm thực tế, được trực tiếp tham gia các hoạt động, lao động, sản xuất gắn với nội dung, ngành nghề được học tập, đào tạo, góp phần tạo nguồn nhân lực lao động chất lượng cao.

Số hóa, xây dựng học liệu số (sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng, ...) đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của học sinh, sinh viên ở các cấp học, môn học; hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy và học.

Cụ thể nhiệm vụ, giải pháp của từng cấp học như sau:

a) Đối với giáo dục mầm non

Nâng cao chất lượng chăm sóc, sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ mầm non; phát triển các điều kiện và hoạt động của trường mầm non theo các tiêu chí trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. Tích cực học hỏi, áp dụng hiệu quả các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các đơn vị trong nước, trong khu vực và quốc tế phù hợp với thực tiễn để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở vùng đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật; tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với Ngoại ngữ và Tin học ở những nơi có điều kiện.

b) Đối với giáo dục Tiểu học

Thực hiện có hiệu quả đổi mới đồng bộ phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Thực hiện tốt công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Triển khai có hiệu quả lộ trình đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Phát huy hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học để hỗ trợ tích cực cho dạy học và giáo dục. Đảm bảo duy trì phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 ở 100% các xã, phường, thị trấn.

c) Đối với giáo dục trung học

Thực hiện tốt việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý và đổi mới phương pháp dạy học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện bảo đảm đạt và vượt các tiêu chí theo quy định, duy trì tỷ lệ học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp THPT trên 95%; quan tâm giáo dục mũi nhọn, phấn đấu cập với yêu cầu các kỳ thi khu vực và quốc tế.

Nâng cao hiệu quả giáo dục phổ thông gắn với dạy nghề, thực hiện tốt giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tập trung chỉ đạo tổ chức có hiệu quả các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, xây dựng văn hóa ứng xử cho học sinh theo Chỉ thị

số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030.

1.8. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá và thi đua, khen thưởng

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục thực hiện từng tiêu chí, tiêu chuẩn để đạt chuẩn quốc gia; đánh giá tiến độ, chất lượng, những khó khăn vướng mắc của cơ sở giáo dục; kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có kinh nghiệm tốt, cách làm hay trong xây dựng trường chuẩn quốc gia, đồng thời phê bình địa phương, đơn vị thực hiện chưa tốt Kế hoạch.

2. Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch

a) Tổng kinh phí để thực hiện kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025 khoảng 4.995 tỷ đồng, trong đó: đầu tư xây dựng phòng học là 2.535 tỷ đồng; các phòng chức năng là 1.539,8 tỷ đồng; phòng hiệu bộ, phòng y tế, bảo vệ, công trình vệ sinh là 920,2 tỷ đồng.

b) Phân theo tính chất nguồn vốn

Vốn đầu tư: khoảng 4.307 tỷ đồng;

Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia: 450 tỷ đồng;

Vốn sự nghiệp giáo dục: 158 tỷ đồng;

Vốn huy động từ các doanh nghiệp và nguồn kinh phí huy động xã hội hóa: 80 tỷ đồng.

c) Phân theo nguồn kinh phí

Ngân sách cấp tỉnh, TW, Chương trình, dự án: khoảng 1.162 tỷ đồng, dự kiến Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới 400 tỷ đồng; CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 50 tỷ đồng; Chương trình Kiên cố hóa trường lớp 200 tỷ đồng; ngân sách tỉnh, các dự án: 512 tỷ đồng.

Ngân sách cấp huyện, cấp xã: 3.595 tỷ đồng.

Ngân sách chi thường xuyên của các cơ sở giáo dục: 158 tỷ đồng.

Ngân sách huy động xã hội hóa, tài trợ, viện trợ: 80 tỷ đồng.

(Chi tiết tại biểu số 4)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia cấp tỉnh do Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở GD&ĐT làm Phó Trưởng ban thường trực. Ban chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch; kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị; hàng năm đánh giá tình hình thực hiện, sơ kết, tổng kết và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Phân công trách nhiệm đối với các sở, ngành, UBND huyện, thành phố

2.1. Sở GD&ĐT: Là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo cấp tỉnh, trực tiếp tổng hợp tình hình, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch. Chịu trách nhiệm đảm bảo tính chính xác của thông tin, số liệu của Kế hoạch; chủ trì triển khai Kế hoạch đã được phê duyệt.

Chủ trì phối hợp với các ngành, các tổ chức, để giải quyết các vấn đề liên quan. Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố đôn đốc các cơ quan chuyên môn cấp huyện lập kế hoạch chi tiết từng năm, bảo đảm chính xác số liệu.

Chịu trách nhiệm tham mưu với Ban chỉ đạo cấp tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch của các địa phương đúng tiến độ; gắn kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia với việc đánh giá năng lực quản lý của người đứng đầu đơn vị, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với mỗi nhà trường, mỗi địa phương. Chỉ đạo và thực hiện kiểm tra công nhận và cấp chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục đảm bảo tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia.

Tiếp tục tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất trường học, trong đó có chính sách hỗ trợ xây dựng phòng học để tăng tỷ lệ kiên cố hóa, đủ phòng học cho học sinh thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; đồng thời xây dựng các phòng chức năng, khuôn viên, khu hiệu bộ, thư viện ... nhằm xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2.2. UBND các huyện, thành phố: Căn cứ vào Kế hoạch của UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo triển khai Kế hoạch đảm bảo hoàn thành mục tiêu của tỉnh đã đề ra (xong trước 30/9/2021); xây dựng cơ chế huy động các nguồn lực và cơ chế hỗ trợ ngân sách cấp huyện cho các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện kế hoạch. Theo dõi, kiểm tra báo cáo kết quả thực hiện với Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định (qua Sở GD&ĐT).

2.3. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT và UBND các huyện, thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ nhà giáo và nhân viên ngành giáo dục trình UBND tỉnh đảm bảo đủ về số lượng, có chất lượng, cơ cấu hợp lý, đúng theo quy định; kiểm tra, đôn đốc việc sắp xếp đội ngũ nhà giáo phù hợp với tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia của các cơ sở giáo dục, địa phương.

2.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở GD&ĐT, Sở Tài chính và các sở ngành liên quan tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các chương trình, dự án hỗ trợ các địa phương, đơn vị theo đúng lộ trình. Chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hiệu quả đầu tư của các địa phương, đơn vị theo quy định.

2.5. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các ngành tham mưu với UBND tỉnh hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn theo đúng quy định; phê duyệt và thẩm định quyết toán các dự án đầu tư xây dựng; thanh tra, kiểm tra về tài chính các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước.

2.6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chỉ đạo, hướng dẫn, rà soát tình hình sử dụng đất để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải phóng mặt bằng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo theo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

2.7. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng và chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học theo quy định.

2.8. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hàng năm tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí CTMTQG xây dựng nông thôn mới, lồng ghép với các chương trình dự án khác để tổ chức thực hiện kế hoạch.

2.9. Ban Dân tộc tỉnh: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hàng năm tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí từ CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tổ chức thực hiện kế hoạch.

2.10. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh Truyền hình: Bằng nhiều hình thức, tích cực tuyên truyền để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp chặt chẽ với chính quyền tổ chức giám sát và tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện kế hoạch.

Giao Sở GD&ĐT hàng năm, tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch. Quý II năm 2026 tổ chức tổng kết, đồng thời khen thưởng, đề xuất khen thưởng những địa phương, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các Đoàn thể nhân dân;
- Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTTH, TKCT, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Sơn